

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2017/HNGĐ-PT

Ngày 30 - 11 - 2017

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung và tài sản khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trung Vân;

Các Thẩm phán:

Bà Chu Lệ Hương;

Bà Lương Thị Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Phương Thảo – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Mông Thị Mai Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2017/TLPT-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2017 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung và chia tài sản khi ly hôn.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 20/2017/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 78/2017/QĐ-PT ngày 30 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Bành Đức T, sinh năm 1981; cư trú tại: Số A, đường L, tổ B, khối C, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Huy X, Luật sư - Văn phòng Luật sư N thuộc đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: Số 29, ngõ 68, đường X, quận C, thành phố Hà Nội; có mặt.

- Bị đơn: Chị Thân Thị A, sinh năm 1984. cư trú tại: Số A, đường L, tổ B, khối C, phường Đ, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hà Thị K, sinh năm 1953; cư trú tại: Tổ M, khối N, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hà Thị K: Ông Nguyễn Huy X, Luật sư - Văn phòng Luật sư N thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội, theo

giấy ủy quyền ngày 05/6/2017; địa chỉ: Số 29, ngõ 68, đường X, quận C, thành phố Hà Nội; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Chị Thân Thị A là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Bành Đức T và chị Thân Thị A kết hôn với nhau năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố L ngày 13/01/2006, được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương. Anh chị đã có 02 con chung là cháu Bành Hùng D, sinh ngày 18/12/2006 và cháu Bành Phương D, sinh ngày 29/10/2010. Đến năm 2013, vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/3/2017, nguyên đơn anh Bành Đức T đề nghị giải quyết cho anh được ly hôn với chị Thân Thị A, với lý do tính cách vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt do không tin tưởng lẫn nhau. Tuy vợ chồng cùng sống trong một nhà nhưng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau. Về con chung, anh yêu cầu được nuôi cả hai con chung. Về tài sản, anh Bành Đức T trình bày vợ chồng chỉ có 02 chiếc xe máy và đồ dùng sinh hoạt trong gia đình, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết số tài sản trên.

Bị đơn: Chị Thân Thị A xác nhận lời trình bày của anh Bành Đức T về quan hệ hôn nhân và con chung là đúng. Chị xác định tình cảm vợ chồng cũng không còn nên nhất trí ly hôn với anh Bành Đức T. Về con chung, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi hai cháu. Nếu anh Bành Đức T yêu cầu được nuôi cháu Bành Hùng D, chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản, ngoài số tài sản chung như trình bày của anh Bành Đức T, chị cho rằng vợ chồng có công sức đóng góp vào tài sản chung là 01 nhà 03 tầng, xây vào năm 2008, tại địa chỉ số A, đường L, tổ B, khối C, phường Đ, thành phố L. Nhà xây trên thửa đất số 269 và một phần thửa đất 270, tờ bản đồ 28, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Bành Đức T, đã tặng cho bà Hà Thị K (là mẹ chồng chị). Chị yêu cầu anh Bành Đức T và bà Hà Thị K chia tài sản chung là giá trị ngôi nhà cho chị với số tiền là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hà Thị K khẳng định nhà, đất tại địa chỉ Số A, đường L, tổ B, khối C, phường Đ, thành phố L là của bà. Bà không chấp nhận yêu cầu của chị Thân Thị A, mà chỉ nhất trí bồi thường, hỗ trợ cho chị Thân Thị A số tiền là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 20/2017/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 9 năm 2017, Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

1. Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh Bành Đức T và chị Thân Thị A.

2. Về con chung: Anh Bành Đức T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu Bành Hùng D, cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị Thân Thị A được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu Bành Phương D, cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Bành Đức T và chị Thân Thị A không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung của anh Bành Đức T và chị Thân Thị A gồm 02 xe máy và đồ dùng sinh hoạt trong gia đình. Anh Bành Đức T và chị Thân Thị A, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Bà Hà Thị K được quyền sử dụng đất thừa đất số 269 diện tích 80m², thửa đất số 270 diện tích 119,1m² tờ bản đồ 28, địa chỉ khối 4 phường Đ, thành phố L và có quyền sở hữu ngôi nhà 03 tầng và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ Số A, đường L, tổ B, khối C, phường Đ, thành phố L (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BM 171158; số BM 171155 do UBND thành phố L cấp, đã điều chỉnh tặng cho bà Hà Thị K ngày 14/3/2014).

Ghi nhận tự nguyện của bà Hà Thị K về bồi thường, hỗ trợ công sức đóng góp duy trì khối tài sản cho chị Thân Thị A với số tiền là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chậm trả tiền, án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 18/9/2017 chị Thân Thị A kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, với lý do: Mâu thuẫn giữa chị và anh Bành Đức T không trầm trọng, vợ chồng vẫn còn tình cảm, hiện đang sống chung một nhà; anh Bành Đức T không có nghề nghiệp thu nhập ổn định, giao cháu Bành Hùng D cho anh Bành Đức T nuôi là không đảm bảo quyền lợi cho cháu; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xác định thửa đất số 269, thửa đất số 270 và ngôi nhà 3 tầng trên đất là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Đề nghị giao cho chị thửa đất số 269 và ngôi nhà 3 tầng hoặc thửa đất số 270 để mẹ con chị có chỗ ở ổn định.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chị Thân Thị A giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Anh Bành Đức T, bà Hà Thị K, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Bành Đức T và bà Hà Thị K đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của chị Thân Thị A.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý và trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán và

Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của chị Thân Thị A. Xử cho anh Bành Đức T ly hôn với chị Thân Thị A; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về con chung và về tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Tại cấp sơ thẩm anh Bành Đức T và chị Thân Thị A đều xác nhận giữa hai vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn từ năm 2013, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, tuy vợ chồng cùng sống chung một nhà nhưng không còn yêu thương, quan tâm gì đến nhau, cả hai anh chị đều thuận tình ly hôn. Tòa án cấp sơ thẩm công nhận sự thuận tình ly hôn của anh Bành Đức T và chị Thân Thị A là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Thân Thị A vẫn giữ nguyên kháng cáo yêu cầu đoàn tụ nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh tình cảm vợ chồng vẫn còn. Chị vẫn thừa nhận do anh Bành Đức T không còn tin tưởng chị nên hai vợ chồng đã sống ly thân. Về phía anh Bành Đức T vẫn yêu cầu ly hôn. Như vậy, mặc dù giữa anh Bành Đức T và chị Thân Thị A hiện đang sống chung một nhà nhưng hai bên không còn tin tưởng lẫn nhau, không quan tâm đến nhau, hai vợ chồng đã sống ly thân; giữa các bên đã không thực hiện được đúng nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bởi vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo yêu cầu đoàn tụ của chị Thân Thị A. Do chị Thân Thị A không đồng ý ly hôn nên cần sửa án sơ thẩm xử cho anh Bành Đức T ly hôn với chị Thân Thị A.

[3] Về con chung: Cháu Bành Hùng D, sinh ngày 18/12/2006, đến nay cháu đã 11 tuổi. Tại bản khai ngày 24/4/2017 cháu Bành Hùng D khai có nguyện vọng được ở với bố; tại bản khai ngày 19/5/2017 cháu Bành Hùng D lại có nguyện vọng ở với mẹ. Tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm, trước mặt cả bố và mẹ, cháu Bành Hùng D đã trình bày nguyện vọng được ở với bố. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình thì việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con sau khi ly hôn đối với con từ đủ 7 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con. Tòa án cấp sơ thẩm xử giao cháu Bành Hùng D cho anh Bành Đức T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là có căn cứ, đúng quy định. Chị Thân Thị A kháng cáo, nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh anh Bành Đức T không có khả năng nuôi cháu. Đồng thời hiện nay cháu Bành Hùng D đang sống chung với bố. Để cuộc sống sinh hoạt của cháu ổn định, cần giữ nguyên quyết định về việc giao con của bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của chị Thân Thị A.

[4] Về tài sản: Chị Thân Thị A kháng cáo cho rằng ngôi nhà 03 tầng trên thửa đất số 269 và thửa đất số 270 là tài sản chung của vợ chồng, chị yêu cầu được trả công sức đóng góp vào việc xây dựng ngôi nhà 3 tầng với số tiền là 300.000.000đồng, xét thấy:

[5] Thứ nhất về đất: Nguồn gốc của thửa đất số 269 và thửa đất số 270 thuộc tờ bản đồ số 28 tại khối 5, phường Đ, thành phố L: Hai thửa đất trên trước đây là thửa số 106, diện tích 199,10m², tờ bản đồ địa chính số 28, phường Đ, thành phố L, đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Hà Thị K ngày 24/6/1999. Ngày 05/7/2012 bà Hà Thị K và anh Bành Văn D làm Hợp đồng tặng cho anh Bành Đức T thửa đất trên (bút lục số 114 -> 119). Sau đó, ngày 04/9/2012 anh Bành Đức T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 269, thửa đất số 270; đến ngày 13/01/2014 anh Bành Đức T lại hoàn tất các thủ tục tặng cho lại nhà, đất bà Hà Thị K. Như vậy, nguồn gốc hai thửa đất số 269 và thửa số 270 là của bà Hà Thị K, hợp đồng tặng cho từ bà Hà Thị K, anh Bành Văn D cho anh Bành Đức T được thực hiện trong thời kỳ hôn nhân của anh Bành Đức T và chị Thân Thị A, nhưng không thể hiện nội dung tặng cho chung, chỉ thể hiện tặng cho riêng anh Bành Đức T, là tài sản riêng của anh Bành Đức T. Do đó, khi anh Bành Đức T tặng cho lại tài sản riêng của mình là quyền sử dụng đất cho bà Hà Thị K, anh không có nghĩa vụ phải thông báo cho chị Thân Thị A. Chị Thân Thị A cho rằng từ năm 2007 bà Hà Thị K tặng cho chung vợ chồng chị hai thửa đất trên là không có căn cứ.

[6] Thứ hai về nhà: Ngôi nhà 03 tầng xây dựng trên thửa đất số 269 và thửa đất số 270, anh Bành Đức T, chị Thân Thị A, bà Hà Thị K đều xác nhận ngôi nhà được xây dựng vào năm 2007, hoàn tất năm 2008. Sau khi xây nhà xong thì vợ chồng anh Bành Đức T mới đến ở. Toàn bộ tiền xây nhà do bà Hà Thị K bán một lô đất khác cho anh Vũ Đình H được 800.000.0000 đồng. Tại cấp sơ thẩm cũng như phiên tòa phúc thẩm chị Thân Thị A cũng thừa nhận nguồn tiền xây dựng nhà do bà Hà Thị K bán một thửa đất cho anh Vũ Đình H, nhưng cho rằng thửa đất đã bán trên bà Hà Thị K đã chia cho anh Bành Đức T nên là của chung vợ chồng chị. Việc chị Thân Thị A đưa ra không có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm xác định ngôi nhà 03 tầng thuộc sở hữu riêng của bà Hà Thị K là có căn cứ.

[7] Trong thời gian sống tại ngôi nhà trên, vợ chồng chị Thân Thị A có làm thêm mái tôn, sân gạch đỏ và tường rào sắt phía trước. Mặt khác, vợ chồng chị cũng có công duy trì, bảo quản khối tài sản. Theo kết quả định giá ngày 10/8/2017 tổng giá trị nhà, bếp vật kiến trúc là 858.442.000 đồng (trong đó: Mái tôn có giá trị là 1.888.000 đồng; sân gạch có giá trị là 4.933.000 đồng; tường rào sắt phía trước, tường rào hoa sắt có giá trị là 3.145.000 đồng, bút lục số 164 -> 174). Như vậy phần công trình vợ chồng chị Thân Thị A xây dựng thêm chỉ có giá trị là 9.966.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xử cho bà Hà Thị K quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất và ghi nhận tự nguyện của bà Hà Thị K bồi thường, hỗ trợ công sức đóng góp duy trì khối tài sản cho chị

Thân Thị A với số tiền là 100.000.000đồng là có căn cứ và phù hợp, đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của chị.

[8] Từ các phân tích trên thấy rằng, yêu cầu kháng cáo của chị Thân Thị A không có căn cứ chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần con chung và tài sản; sửa phần quyết định về quan hệ hôn nhân, xử cho anh Bành Đức T ly hôn với chị Thân Thị A. Việc sửa án sơ thẩm là do đương sự thay đổi ý kiến, đây là tình tiết khách quan, cấp sơ thẩm không có lỗi.

[9] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm nên chị Thân Thị A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 147; khoản 2 Điều 148; khoản 2 Điều 308; khoản 2 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 33; các Điều 43, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a, b khoản 5 Điều 27; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sửa một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 20/2017/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Bành Đức T ly hôn với chị Thân Thị A.

2. Về con chung:

Giao cháu Bành Hùng D, sinh ngày 18/12/2006 cho anh Bành Đức T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Bành Hùng D đủ 18 tuổi.

Giao cháu Bành Phương D, sinh ngày 29/10/2010 cho chị Thân Thị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Bành Phương D đủ 18 tuổi.

Anh Bành Đức T và chị Thân Thị A không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản:

3.1. Tài sản chung: Tài sản chung của anh Bành Đức T và chị Thân Thị A gồm 02 xe máy và đồ dùng sinh hoạt trong gia đình. Anh Bành Đức T và chị Thân Thị A, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3.2. Bà Hà Thị K được quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 269 diện tích 80m², thửa đất số 270 diện tích 119,1m² tờ bản đồ 28, địa chỉ khối 4 phường Đ, thành phố Lạng Sơn và có quyền sở hữu ngôi nhà 03 tầng và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ Số A, đường L, tổ B, khối C, phường Đ, thành phố L (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BM 171158; số BM 171155 do UBND thành phố L cấp, đã điều chỉnh tặng cho bà Hà Thị K ngày 14/3/2014).

(Có sơ đồ nhà, đất kèm theo bản án).

3.3. Ghi nhận tự nguyện của bà Hà Thị K: Bà Hà Thị K có trách nhiệm bồi thường, hỗ trợ công sức đóng góp, duy trì khối tài sản cho chị Thân Thị A với số tiền là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Bành Đức T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí anh Bành Đức T đã nộp theo biên lai thu số 03333 ngày 03/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Anh Bành Đức T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

- Chị Thân Thị A phải chịu 5.000.000đ (năm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung quỹ Nhà nước.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Thân Thị A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả chị Thân Thị A số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm chị Thân Thị A đã nộp theo biên lai thu số 03112 ngày 19/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

5. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Chị Thân Thị A, anh Bành Đức T và bà Hà Thị K cùng phải chịu toàn bộ chi phí định xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền là 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Số tiền này chị Thân Thị A đã nộp tạm ứng trước. Buộc anh Bành Đức T và bà Hà Thị K mỗi người phải hoàn trả cho chị Thân Thị A số tiền là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày chị Thân Thị A có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản phải thi hành theo quyết định tại điểm **3.3** và điểm **5** nêu trên, nếu bà Hà Thị K, anh Bành Đức T chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND TP.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS TP.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND phường Đ, TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ; Tòa dân sự; HCTP; KTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Trung Vân